

## BÁO CÁO

### **Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021.**

Thực hiện theo Kế hoạch số 07/KH-ĐGS ngày 19/8/2022 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”; Công văn số 814/TTT-NV3 ngày 26/8/2022 của Thanh tra tỉnh về việc báo cáo giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh; Công văn số 3726/UBND-KTTH ngày 26/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và công văn 2915/STC-TTr ngày 29/8/2022 của Sở Tài chính báo cáo về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (gọi tắt là Ban QLDA) báo cáo tình hình thực hiện như sau:

#### **I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quán triệt và phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng của Cấp ủy đảng, lãnh đạo Ban QLDA, thực hiện nghiêm túc nội dung các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, pháp luật của nhà nước về phòng, chống tham nhũng nhằm góp phần ngăn chặn, xử lý có hiệu quả những vụ việc tham nhũng, tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

2. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

2.1. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

- Ban QLDA đã quán triệt, phổ biến và ban hành kế hoạch, chỉ đạo kịp thời đến các phòng chuyên môn của đơn vị thực hiện nghiêm túc nội dung các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN. Đồng thời chỉ đạo các Trưởng, Phó phòng đơn vị thực hiện về công tác PCTN để các phòng triển khai và thực hiện.



- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng bằng nhiều hình thức như: sinh hoạt chi bộ, đảng bộ định kỳ; hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đầu năm; hội nghị giao ban công tác đầu tháng, đầu quý; sao gửi văn bản để tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể đảng viên; phân công nhiệm vụ cụ thể cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục chịu trách nhiệm triển khai thực hiện, theo dõi giám sát và báo cáo theo quy định.

- Gắn kết công tác phòng, chống tham nhũng trong mối quan hệ với việc thực hiện công việc hàng ngày của mỗi cá nhân.

2.2. Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng:

- Ban QLDA ban hành các kế hoạch phòng chống tham nhũng; Kế hoạch cải cách hành chính; Kế hoạch thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức. Đồng thời chủ động xây dựng và ban hành các Kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Rà soát văn bản hướng dẫn minh bạch tài sản, thu nhập đối với cán bộ, viên chức thuộc Ban, Ban đã triển khai thực hiện về minh bạch tài sản, thu nhập cá nhân đối với cán bộ lãnh đạo quản lý theo quy định.

- Ban hành Quy chế làm việc và công khai quy chế làm việc của Ban QLDA, qua đó giúp viên chức và người lao động biết rõ hoạt động của đơn vị để giám sát thực hiện;

2.3. Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng:

Ban QLDA thành lập Ban thanh tra nhân dân nhằm theo dõi, thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng trong đơn vị, giúp Lãnh đạo Ban kiểm tra, đánh giá, báo cáo việc thực hiện Kế hoạch hàng quý và cả năm.

2.4. Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân; xác minh, giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

### 3. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

3.1. Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của đơn vị:

- Việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, viên chức, người lao động; việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; công tác tổ chức



cán bộ của đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; việc thực hiện chính sách, pháp luật luôn được công khai, minh bạch trong đơn vị, thông tin trên mạng nội bộ và thông qua hội nghị cán bộ, viên chức hằng năm.

- Ban QLDA yêu cầu ban Thanh tra nhân dân thực hiện việc công khai theo quy định của pháp luật như: Quyết định giải quyết khiếu nại, Quyết định tiếp công dân, Kết luận nội dung tố cáo, Quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo. Hình thức công khai, minh bạch theo đúng quy định của Luật PCTN.

3.2. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn: thực hiện tốt việc rà soát các chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kịp thời sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật, đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với tổ chức, hoạt động của đơn vị.

3.3. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng:

- Hàng năm, căn cứ văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng trong dịp tết Nguyên đán. Ban QLDA đã quán triệt đến toàn thể viên chức, người lao động và giao cho ban Thanh tra nhân dân thuộc Ban QLDA theo dõi, nắm tình hình, tuy nhiên không phát hiện trường hợp nào tặng quà, nhận quà tặng trái quy định của pháp luật và không có trường hợp nào nộp lại quà tặng.

3.4. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức:

Xây dựng tác phong, lễ lối làm việc, quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức tại đơn vị đi vào nền nếp, văn minh, lịch sự, đúng quy định; tinh thần và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ được nâng cao.

3.5. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, viên chức theo quy định nhằm phòng ngừa tham nhũng: không có.

3.6. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập:

- Hàng năm, Ban QLDA lập kế hoạch việc thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập cho các cán bộ, viên chức. Những cán bộ, viên chức thuộc diện kê khai tài sản đều kê khai đầy đủ theo thời gian quy định và được công khai niêm yết tại đơn vị.

3.7. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách: Trong thời gian qua Ban QLDA không có trường hợp tham nhũng nào.

3.8. Việc thực hiện cải cách hành chính: Công tác cải cách hành chính tại đơn vị đạt được nhiều kết quả quan trọng, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi nhiệm vụ, trong giải quyết hồ sơ công việc, trong hoạt động quản lý nhà



nước chuyên ngành

3.9. Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị:

- Khoa học công nghệ giúp mọi hoạt động luôn được công khai, minh bạch hơn, người dân và xã hội có điều kiện tiếp cận nhanh chóng và đầy đủ hơn để thực hiện quyền giám sát của mình, kịp thời phát hiện và phản ánh những hiện tượng sai trái, nguy cơ lợi dụng hoạt động công vụ để tham nhũng. Theo đó Ban QLDA thường xuyên cải tiến công tác, tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động của đơn vị, tạo thuận lợi để công dân, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

3.10. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản:

- Việc thực hiện trả lương qua tài khoản đã góp phần minh bạch hóa một phần thu nhập của viên chức, người lao động; qua đó cũng tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý thuế tăng dần việc quản lý nguồn thu thuế từ cá nhân, tổ chức.

- Giúp tiết kiệm được chi phí, thời gian, nhân lực trong quản lý ngân quỹ (tiết kiệm thời gian và chi phí trong việc giao nhận, kiểm đếm, phân chia tiền mặt để trả lương định kỳ cho viên chức, người lao động tại đơn vị) và giúp cho việc chi trả lương nói chung một cách an toàn và hiệu quả.

- Đối với người nhận lương qua tài khoản: Đem lại các tiện lợi và lợi ích của việc sử dụng tài khoản cá nhân và thẻ thanh toán về các khía cạnh tiết kiệm thời gian, công sức và đặc biệt là đảm bảo an toàn cá nhân; thay đổi dần nhận thức và thói quen sử dụng tiền mặt bằng văn hóa giao dịch qua ngân hàng hoặc thanh toán tự động điện tử trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại trong việc thanh toán các dịch vụ cung ứng điện, nước, điện thoại, viễn thông, truyền hình... góp phần từng bước nâng cao chất lượng đời sống.

3.11. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về tạm đình chỉ, tạm thời chuyển đổi vị trí công tác khác đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp liên quan đến tham nhũng: không có.

3.12. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao: không có.

4. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; việc giải quyết, kiểm sát giải quyết, xét xử vụ việc, vụ án tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng:

4.1. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của các ngành, đơn vị, địa phương; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: không có.



4.2. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở, ngành, đơn vị, địa phương: Trong thời gian qua, Ban QLDA không có vụ việc liên quan đến tham nhũng nên không xử lý.

4.3. Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra: không có trường hợp xử lý.

4.4. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: không có trường hợp xử lý.

4.5. Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: không có trường hợp nào.

## **II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

### **1. Việc chỉ đạo, điều hành công tác THTK, CLP**

- Việc ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật về THTK, CLP.

- Việc ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện.

- Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật THTK, CLP.

Ban Quản lý dự án đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí kết hợp với việc đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quan liêu; từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước.

2. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước: không

### **3. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công**

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã giao: 1.737.726 triệu đồng.

- Việc bố trí vốn đầu tư công và kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020: Tổng kết quả vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 thực hiện: 1.534.726 triệu đồng.

- Tỷ lệ giải ngân vốn đạt: 88%

4. Trong quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước các chương trình mục tiêu quốc gia: không

### **5. Trong quản lý, sử dụng tài sản công**

- Ban Quản lý dự án sử dụng các phương tiện đúng mục đích, đúng đối tượng, phục vụ thiết thực trong công việc, không sử dụng xe công vào mục đích cá nhân.

- Quản lý, sử dụng đúng quy định và khai thác có hiệu quả các phương tiện,



thiết bị làm việc đã được trang bị tại cơ quan, đơn vị.

- Ban Quản lý dự án lập nhu cầu mua sắm, việc đăng ký mua sắm, sửa chữa, quản lý, sử dụng tài sản, phương tiện, trang thiết bị làm việc đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ ban hành, không sử dụng tài sản, phương tiện, trang thiết bị làm việc công vào việc riêng.

6. Trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động

- Kết quả kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị:

+ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, làm chủ đầu tư các dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn, được UBND tỉnh giao nhiều dự án trọng tâm, khối lượng công việc nhiều nên không thể thực hiện việc tinh giản biên chế.

+ Hiện nay, tổ chức bộ máy của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT gồm: Giám đốc, 01 Kế toán trưởng, 02 Trưởng phòng, 01 phụ trách phòng, với 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ gồm: Phòng Hành chính – Tổng hợp (có 02 bộ phận: Tài chính – Kế toán và Hành chính – Nhân sự), Phòng Quản dự án 1 và Phòng Quản lý dự án 2.

+ Tổng số CBVC hiện nay là 28 người.

+ Ban Quản lý dự án luôn tạo điều kiện cho cán bộ, viên chức trong đơn vị tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, phát huy khả năng chuyên môn trong thực hiện nhiệm vụ được giao; Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức; việc đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, không cử đi đào tạo bồi dưỡng tràn lan gây lãng phí thời gian và ngân sách nhà nước.

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế của cơ quan về kỷ luật, kỷ cương hành chính và thời gian lao động. Qua kiểm tra cho thấy cán bộ, viên chức cơ bản chấp hành tốt giờ giấc làm việc, sử dụng thời giờ làm việc hiệu quả, đảm bảo tác phong, trang phục gọn gàng, lịch sự, thực hiện văn hóa ứng xử trong giao tiếp.

7. Trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên: không

8. Trong quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không

9. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp: không

10. Việc thực hiện công khai các lĩnh vực, hoạt động quy định tại Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013.

Ban QLDA thực hiện nghiêm các quy định về những nội dung công việc phải công khai niêm yết tại cơ quan như: Công khai dự toán kinh phí hoạt động ngân sách Nhà nước cấp và quyết toán kinh phí hoạt động thường xuyên. Công khai, minh bạch trong mua sắm công và xây dựng cơ bản của cơ quan theo quy định của pháp luật.

Trong lĩnh vực tài chính, ngân sách: chủ động xây dựng các quy định cụ thể về tiêu chuẩn, định mức, quản lý và sử dụng kinh phí hợp lý, xây dựng quy chế chi



tiêu nội bộ trong mua sắm trang thiết bị, tài sản. Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định của Chính phủ. Căn cứ quyết định phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh, chi và công khai số liệu dự toán và quyết toán đúng theo quy định; nghiêm yết công khai tại trụ sở làm việc, thông tin trên mạng nội bộ và thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị.

11. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán việc THTK, CLP: không

### **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, XÁC ĐỊNH NGUYÊN NHÂN, CHỈ RÕ TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC BAN HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN; THTK, CLP**

- Ban QLDA thường xuyên quan tâm và chú trọng đến công tác phòng, chống tham nhũng, thực hiện tiết kiệm, CLP; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong việc chỉ đạo và điều hành; qua đó, đã đạt được những kết quả nhất định, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của từng cán bộ, viên chức, như: Công tác cải cách hành chính phục vụ phòng chống tham nhũng, lãng phí được quan tâm triển khai, kịp thời toàn diện trên các lĩnh vực, nhất là việc thực hiện quy trình, thủ tục quy trình xây dựng cơ bản; tổ chức bộ máy được kiện toàn, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; thực hiện tốt chính sách quản lý tài chính công đúng theo quy định; công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức được công khai, minh bạch, thực hiện và giám sát; triển khai áp dụng phần mềm Văn phòng điện tử và duy trì hệ thống quản lý được đầy mạnh; công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát được tăng cường; công tác thông tin tuyên truyền luôn thường xuyên, đổi mới về nội dung và chất lượng, góp phần tích cực trong công tác phòng chống tham nhũng, thực hiện tiết kiệm, CLP; hiệu quả quản lý hành chính nhà nước của hệ thống hành chính được nâng lên.

- Ưu điểm: Công tác tuyên truyền, quán triệt trong đơn vị được duy trì thường xuyên tại các cuộc họp giao ban hàng tháng, quý và năm đều được nêu ra để cán bộ, viên chức và người lao động thấy được, nhìn nhận được sự việc và phòng tránh, thường kiểm tra, kiểm soát nội bộ thông qua các kênh thông tin từ đối tác, do vậy mà trong thời gian qua không phát sinh tham nhũng.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- + Công cụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật cũng như nội dung về phòng, chống tham nhũng, THTK, CLP chưa đổi mới, thời gian thực hiện không liên tục...
- + Việc tự kiểm tra phát hiện tham nhũng, lãng phí chưa có đủ cơ sở yếu tố.
- + Một số quy định về phòng ngừa tham nhũng, lãng phí còn mang tính hình thức, chung chung; chưa có bộ phận chuyên trách về công tác phòng, chống tham nhũng làm cho hoạt động này gặp không ít khó khăn.



#### IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: không

#### V. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THỜI GIAN ĐẾN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nâng cao vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị; Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có trình độ chuyên môn, kiến thức, năng lực, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, tác phong có uy tín lãnh đạo và gần gũi với nhân dân.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng và nhân dân.

- Tập trung triển khai các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của đơn vị; thường xuyên rà soát, sửa đổi các định mức, tiêu chuẩn không còn phù hợp.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, đối với lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng trong xây dựng cơ bản, sử dụng đất đai, giải phóng mặt bằng, tài nguyên, khoáng sản; đầu tư xây dựng, mua sắm công; thu, chi ngân sách; quản lý tài sản công; tín dụng - ngân hàng; công tác cán bộ.

- Tăng cường chấn chỉnh lề lối làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, viên chức nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức có năng lực, phẩm chất đạo đức, kỷ cương, liêm chính.

Trên đây là báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

*(Đính kèm các phụ lục theo biểu mẫu)*

Nơi nhận: *h*

- Đoàn Giám sát - HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- Thanh tra tỉnh;
- Lưu VT.HCTH.LTNT.

GIÁM ĐỐC



**Nguyễn Ngọc Thịnh**





**PHỤ LỤC 1**

**KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

(Kèm theo Báo cáo số: *882* /BC-BQLDANNPTNT ngày *14* tháng 9 năm 2022 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	KẾT QUẢ
	<b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	13
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	<b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	1944
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	72
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	<b>THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	0
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	0
	<b>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>		
8	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	72
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	0
10	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0



MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	KẾT QUẢ
11	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ	0
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý kỷ luật	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
15	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
16	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
	<b><i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i></b>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
21	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
	<b><i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i></b>		
22	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	CQ, TC, ĐV	0
23	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
24	Số người tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác	Người	0
25	Số người đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích	Người	0
	<b><i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập</i></b>		



MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	KẾT QUẢ
26	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
27	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	0
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>		
28	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
29	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng.	Người	0
30	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đã bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng.	Người	0
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
31	Số lượng thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	0
32	Số lượng thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	0
33	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử qua ngân hàng	Triệu đồng	0
34	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán	%	0
	<i>Phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước</i>		
35	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý	CQ, TC, ĐV	0
36	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV	0
37	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước vi phạm việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV	0
	<b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>		
	<i>Qua việc công tác kiểm tra và tự kiểm tra của các cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Người	0



MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	KẾT QUẢ
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Vụ	0
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Người	0
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng	Vụ	0
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động chống tham nhũng	Người	0
	<b><i>Qua hoạt động thanh tra, giám sát</i></b>		
44	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0
46	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Người	0
	<b><i>Qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng</i></b>		
48	Số đơn, phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo có hành vi tham nhũng	Đơn, phản ánh	0
49	Số báo cáo và xử lý báo cáo có hành vi tham nhũng	Báo cáo	0
50	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Đơn, phản ánh, báo cáo	0
51	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn, phản ánh, báo cáo	0
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	<b><i>Qua điều tra tội phạm</i></b>		
54	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
55	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Người	0



MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	KẾT QUẢ
	<i>Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		
56	Số người được bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
57	Số người được khen thưởng người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	0
58	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	0
59	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó:	Người	0
	+ Tặng bằng khen của Thủ tướng chính phủ		0
	+ Tặng bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		0
	+ Tặng giấy khen		0
	<b>XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>		
60	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử	Vụ	0
61	Số đối tượng bị kết án tham nhũng, trong đó:	Người	0
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	0
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	0
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	0
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	0
62	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
63	Số cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
64	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
65	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>		
66	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
67	Đất đai	m <sup>2</sup>	0
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		



MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	KẾT QUẢ
68	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
	+ <i>Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính</i>		0
	+ <i>Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp</i>		0
69	Đất đai	m <sup>2</sup>	0
	+ <i>Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính</i>		0
	+ <i>Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp</i>		0
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		
70	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
71	Đất đai	m <sup>2</sup>	0





**PHỤ LỤC 4**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIẾT KIỆM, CHỐNG Lãng PHÍ GIAI ĐOẠN 2016-2021**

(Kèm theo Báo cáo số: 882 /BC-BQLDANNPTNT ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ																
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản															
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản															
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc															
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ															
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng															
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)																
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN																
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng															
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng															
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng															
1.4	Các nội dung khác																
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN																
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:																
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	133.500.000	84.781.000	113.217.500	103.005.000	140.300.000	139.385.000	650.000.000	131.701.000	463.875.320	168.707.000	350.000.000	138.341.000	1.850.892.820	765.920.000	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	107.228.788	20.000.362	20.177.212	20.177.212	30.583.818	30.580.818	190.000.000	60.982.695	220.000.000	53.489.074	140.000.000	47.555.602	707.989.818	232.785.763	



















CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 6  
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN NSNN  
GIAI ĐOẠN 2016-2021

(Đính kèm theo văn bản số 882/BQLDANNPTNT-HCTH ngày 14/9/2022 của Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Dự án	Giai đoạn 2016-2021			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021			Ghi lý do chính chậm việc phê duyệt quyết toán
	Số dự án	Số vốn		Số dự án	Số vốn		Số dự án	Số vốn		Số dự án	Số vốn		Số dự án	Số vốn		Số dự án	Số vốn		Số dự án	Số vốn		
		Đã bố trí	Quyết toán		Đã bố trí	Quyết toán		Đã bố trí	Quyết toán		Đã bố trí	Quyết toán		Đã bố trí	Quyết toán		Đã bố trí	Quyết toán		Đã bố trí	Quyết toán	
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
<b>TỔNG SỐ</b>	6	640.255	640.920	1	121.189	121.322													5	519.066	519.598	
<b>Trong đó:</b>																						
- Dự án quyết toán đúng thời gian quy định	5	630.819	631.484	1	121.189	121.322													4	509.631	510.162	
- Dự án quyết toán không đúng thời gian quy định	1	9.435	9.435																1	9.435	9.435	
<b>DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA</b>																						
Dự án hoàn thành năm 2015 trở về trước																						
- Dự án quyết toán đúng thời gian quy định																						
- Dự án quyết toán không đúng thời gian quy định																						
Dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2021																						
- Dự án quyết toán đúng thời gian quy định																						
- Dự án quyết toán không đúng thời gian quy định																						
<b>DỰ ÁN NHÓM A</b>																						
Dự án hoàn thành năm 2015 trở về trước																						
- Dự án quyết toán đúng thời gian quy định																						
- Dự án quyết toán không đúng thời gian quy định																						
Dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2021																						
- Dự án quyết toán đúng thời gian quy định																						
- Dự án quyết toán không đúng thời gian quy định																						
<b>DỰ ÁN NHÓM B</b>																						
Dự án hoàn thành năm 2015 trở về trước																						
Dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2021																						
- Dự án quyết toán đúng thời gian quy định	5	630.819	631.484	1	121.189	121.322													4	509.631	510.162	















**PHỤ LỤC 11**

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TỰ CHỦ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**  
(Kèm theo Báo cáo số 882/BC-BQLDANNPTNT ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT)

STT	Năm/ chi tiêu	Số đơn vị sự nghiệp công lập					Số biên chế, người lao động					Tổng kinh phí NSNN chi cho ĐVSNNCL (triệu đồng)						
		Tổng số	Trong số chia theo mức độ tự chủ				Tổng số	Trong số chia theo mức độ tự chủ				Tổng số	Trong số chia theo mức độ tự chủ					
			Tự chủ 100% chi TX, chi ĐTPT	Một phần chi ĐTPT, 100% chi TX	100% chi TX	Một phần chi TX		100% chi ĐTPT, chi TX do NS bảo đảm	Tự chủ 100% chi TX, chi ĐTPT	Một phần chi ĐTPT, 100% chi TX	100% chi TX		Một phần chi TX	100% chi ĐTPT, chi TX do NS bảo đảm	Tự chủ 100% chi TX, chi ĐTPT	Một phần chi ĐTPT, 100% chi TX	100% chi TX	Một phần chi TX
1	Năm 2016	1			1		28			28			0					
2	Năm 2017	1			1		28			28			0					
3	Năm 2018	1			1		26			26			0					
4	Năm 2019	1			1		26			26			0					
5	Năm 2020	1			1		27			27			0					
6	Năm 2021	1			1		27			27			0					